TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2025/HNGĐ- ST Ngày: 05-5-2025 *V/v: Ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Như Lữ; Ông Lường Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

Ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tòng Thị L**, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Bản PK, xã LGi, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lù Văn V**, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Bản PK, xã LGi, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2025 của nguyên đơn chị Tòng Thị L và các tài liệu chứng cứ khác do các đương sự cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Nội dung vụ án các đương sự tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị L và anh Lù Văn V khai cả hai lấy nhau theo phong tục tập quán về chung sống với nhau từ năm 2003. Không đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh V nghiện ma túy chị L và gia đình khuyên nhiều lần nhưng anh không cai nghiện. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị L không còn tình cảm với anh V nữa đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

[2]. Về con chung, con riêng: Các đương sự đều có lời khai thể hiện trong quá trình sống chung có 02 con chung là cháu Lù Thị Minh Ph, sinh ngày 15/02/2004 và cháu Lù Xuân Tr, sinh ngày 06/5/2006. Hiện các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động cả chị L và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh Lù Văn V, anh V đã có bản tự khai thể hiện anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn và đã sống ly thân như chị Tòng Thị L trình bày. Tuy nhiên, anh V không đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung, anh V cũng thừa nhận là đã có với chị L 02 người con chung là các cháu Lù Thị Minh Ph, sinh ngày 15/02/2004 và cháu Lù Xuân Tr, sinh ngày 06/5/2006 hiện cả hai cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động nên anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và các vấn đề khác anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Tòng Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung, tài sản như nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu của nguyên đơn: ngày 02/4/2025 chị Tòng Thị L nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Chị L có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và được Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cùng ngày, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Tòng Thị L theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản PK, xã LGi, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1. *Về hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy rằng, hôn nhân giữa chị Tòng Thị L và anh Lù Văn V chỉ cưới hỏi theo phong tục của người dân tộc rồi về sống với nhau từ năm 2003 đến nay không đăng ký kết hôn. Mặc dù các bên đủ điều kiện kết hôn nhưng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng thì không

làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống chị L và anh V không hạnh phúc, có mâu thuẫn và đã sống ly thân nội dung này đã được chính quyền địa phương xác nhận. Nay chị Tòng Thị L làm đơn xin ly hôn mặc dù anh V không đồng ý ly hôn nhưng mẫu thuẫn của vợ chồng anh V, chị L đã đúng,xét tình hình thực tế hai vợ chồng đã ly thân khong còn chung sống vun vén hạnh phúc gia đình do đó, cần căn cứ khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh V để chấm dứt mối quan hệ này.

2.2. *Về con chung:* Các đương sự đều khai có 2 con chung là cháu Lù Thị Minh Ph, sinh ngày 15/02/2004 và cháu Lù Xuân Tr, sinh ngày 06/5/2006. Hiện các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX, không xem xét.

2.3. *Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án chị Tòng Thị L có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa chị L tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí của vụ án cho anh, chị, bởi vì, bản thân và gia đình chị là người dân tộc Thái đang cư trú tại xã LGi, huyện Điện Biên Đông nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho chị Tòng Thị L là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tòng Thị L và anh Lù Văn V.

2. Về con chung: Chị Tòng Thị L và anh Lù Văn V có 02 con chung là cháu Lù Thị Minh Phương, sinh ngày 15/02/2004 và cháu Lù Xuân Trường, sinh ngày 06/5/2006. Hiện các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về Tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Chị Tòng Thị Luan và anh Lù Văn V không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị L được miễn án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tòng Thị L và anh Lù Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/5/2025)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng TTr, KT- TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã LGi (nơi các đương sự cư trú)
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hồng Quang